

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - PT

Ngày 30 - 12 - 2022

“V/v Tranh chấp chia tài sản
sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2022/TLPT - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2022/HNGĐ - ST, ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2022/QĐ - PT ngày 28 tháng 12 năm 2022; Thông báo dời phiên tòa số 68/TB - TA ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị A, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường Trần Ngọc Q, khu vực C, phường J, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L, Công ty TNHH MTV W – Chi nhánh Hậu Giang thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực G, phường Y, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L1. Địa chỉ: Khu vực S, phường AB, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022) của bà Trần Thị Liệt: Bà Võ Thị D, sinh năm 1978 (Không triệu tập).

Địa chỉ: Khu vực 2, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2022, nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày: Bà Võ Thị A và ông Huỳnh Văn C kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng và dẫn đến ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 175/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V thì bà A và ông C đã ly hôn. Sau khi ly hôn, ông C quản lý toàn bộ tài sản gồm nhà và đất, bà A có thỏa thuận chia nhưng ông C không đồng ý, gồm:

1. Phần đất diện tích 350,8m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 2327 thuộc tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 287548, sổ vào sổ cấp GCN: CH01877, cấp ngày 29/01/2015 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Phần đất diện tích 73,6m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 175 thuộc tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT163544, sổ vào sổ cấp GCN: CH04441, cấp ngày 19/8/2019 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Phần đất diện tích 77,1m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 177 thuộc tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT163546, sổ vào sổ cấp GCN: CH04443, cấp ngày 19/8/2019 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Phần đất diện tích 124,6m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 176 thuộc tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 163545, sổ vào sổ cấp GCN: CH04442, cấp ngày 19/8/2019 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

5. Phần đất diện tích 275,3m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 161 thuộc tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 183007, số vào sổ cấp GCN: CS03615, cấp ngày 13/02/2017 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

6. Phần đất diện tích 179,6m² (đất ở tại nông thôn), thửa số 2461 thuộc tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 287 618, số vào sổ cấp CCN: CH01876, cấp ngày 29/01/2015 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

7. Phần đất diện tích 105,0m² (đất ở tại nông thôn), thửa số 2356 thuộc tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 553784, số vào sổ cấp CCN: CH01614 cấp ngày 10/4/2014 mang tên ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A. Đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Toàn bộ tài sản gắn liền với trên các phần đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

8. Phần đất diện tích 5010,0m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 169 thuộc tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 220768, số vào sổ cấp CCN: CH01984 cấp ngày 30/7/2015 mang tên ông Huỳnh Văn C. Đất tại ấp M 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

9. Phần đất diện tích 18.462m², thửa số 73, 100, 101 thuộc tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 500293, số vào sổ cấp CCN: 000098, cấp ngày 01/02/1996 mang tên ông Huỳnh Văn K1 tặng cho toàn bộ cho ông Huỳnh Văn C vào ngày 14/3/2008. Đất tại ấp M 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Bà A yêu cầu yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi các thửa đất số 2327, 2356, 2461, 161, 176, 177, 175 và tài sản gắn liền trên đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Đồng ý giao cho ông C thửa đất số 169 và 73, 100, 101; đất tại M 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và ông C có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện F số tiền 850.000.000 đồng và 38 chỉ vàng 24k của bà Trần Thị L1.

Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày: Bà A yêu cầu được chia đôi các thửa đất số 2327, 2461, 176, 177, 175 theo Mảnh trích đo đạc địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 23/5/2022, yêu cầu được nhận hiện vật một phần đối với phần đất có chiều ngang 6m, dài hết đất tại các thửa đất 175, 176, 177 thuộc tờ bản đồ số 05. Về phần đất chênh lệch còn lại đồng ý giao ông C quản lý nhưng phải trả giá trị cho bà là số tiền 600.000.000 đồng; các công

trình xây dựng, cây trồng trên đất đồng ý nhận giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TN. Trường hợp nếu ông C muốn quản lý toàn bộ tài sản đất và nhà, thì phải trả lại giá trị cho bà A 50% tương đương số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Đối với phần đất diện tích 5010,0m² (đất trồng cây hàng năm khác), thửa số 169 thuộc tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 220768, số vào sổ cấp CCN: CH01984 cấp ngày 30/7/2015 mang tên ông Huỳnh Văn C và Phần đất diện tích 18.462m², thửa số 73, 100, 101 thuộc tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 500293, số vào sổ cấp CCN: 000098, cấp ngày 01/02/1996 mang tên ông Huỳnh Văn K1 tặng cho toàn bộ cho ông Huỳnh Văn C vào ngày 14/3/2008. Bà A xin rút lại không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong cùng vụ án, nếu có tranh chấp sẽ kiện thành vụ dân sự khác khi có yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn C trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà A về thời gian ly hôn, ông thừa nhận thời gian chung sống với bà A có tạo lập được các thửa đất số 2327, 175, 177, 176, 2461 thuộc tờ bản đồ số 01 và số 05, các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có xây dựng căn nhà cấp 4, nhà chứa vật tư và cùng tài sản gắn liền với đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, hiện do ông C đang quản lý, sử dụng như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Ông không đồng ý chia hiện vật cho bà A, đồng ý chia đôi giá trị cho cho bà A theo Chứng thư thẩm định giá số 86/BDS, ngày 02/6/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá TN, ông C cho rằng vào tháng 9 năm 2021, ông phát hiện bà A có quan hệ với ông Huỳnh Thái C1 (C1) gần nhà, có trình báo chính quyền địa phương về sự việc trên. Sau sự việc đó, bà A bỏ nhà ra thuê nhà trọ sinh sống và gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn, cho đến nay không về lại địa phương, từ sự việc trên mâu thuẫn giữa ông C và bà A đã trầm trọng, không thể sinh sống gần bên. Hiện nay, Cơ sở kinh doanh Vật Tư nông nghiệp tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang của ông C tạo lập đang kinh doanh buôn bán có uy tín ở địa phương, bà A lo nội trợ và con cái nên ông đồng ý trả lại 50% giá trị tài sản chung cho bà A để mua phần đất nơi khác sinh sống, ông yêu cầu được tiếp tục quản lý A bộ tài sản.

Đối với hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện F, số tiền vay là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), ông Huỳnh Văn C đã thanh toán xong, không còn nợ số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 (có yêu cầu độc lập) trình bày: Bà Trần Thị L1 có cho ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A mượn số vàng 38 chỉ vàng 24k. Bà L1 yêu cầu ông C và bà A có trách nhiệm hoàn trả lại số vàng trên cho bà Trần Thị L1. Ngày 13/6/2022 bà Trần Thị L1 có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với ông C và bà A.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2022/HNGĐ - ST, ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị A về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với bị đơn ông Huỳnh Văn C.

Buộc ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị tài sản chung cho bà Võ Thị A số tiền là 965.298.500 đồng (chín trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ông Huỳnh Văn C được toàn quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tổng diện tích 802,2m² (loại đất ODT, BHK), tại các thửa số đất 2327, 2461, 175, 176, 177 thuộc tờ bản đồ số 01 và số 05 và căn nhà chính có diện tích xây dựng 141,6m²; kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch Ceramic, trần nhựa cùng với các công trình khác, hoa màu gắn liền với đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang do ông Huỳnh Văn C đang quản lý, sử dụng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị L1 đối với ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị A về việc yêu cầu trả số vàng 38 (ba mươi tám) chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn bà Võ Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị A và bị đơn ông Huỳnh Văn C thỏa thuận được nội dung giải quyết của vụ án. Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà với ông Huỳnh Văn C. Bà Võ Thị A đồng ý nhận giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với giá trị là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Bị đơn ông Huỳnh Văn C đồng ý thỏa thuận hoàn trả lại giá trị tài sản cho bà Võ Thị A theo yêu cầu của bà A là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị A khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Văn C. Tòa án nhân dân thành phố V xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị A có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Võ Thị A và bị đơn ông Huỳnh Văn C cùng thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn bà Võ Thị A đồng ý giao tài sản chung cho ông Huỳnh Văn C, gồm các tài sản là quyền sử dụng đất và công trình vật kiến trúc, hoa màu trên đất như sau:

Ông Huỳnh Văn C được toàn quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tổng diện tích 802,2m² (loại đất ODT, BHK), tại các thửa số đất 2327, 2461, 175, 176, 177 thuộc tờ bản đồ số 01 và số 05 và căn nhà chính có diện tích xây dựng 141,6m²; kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền

gạch Ceramic, trần nhựa cùng với các công trình khác, hoa màu gắn liền với đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 185/2022, ngày 11/5/2022; Mảnh trích đo địa chính số 184/2022, ngày 11/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Hậu Giang).

Ông Huỳnh Văn C có trách nhiệm giao lại giá trị tài sản cho bà Võ Thị A số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự

Theo quy định tại khoản 5 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xác định lại án phí như sau:

[3.1] *Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng*

Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mỗi người được chia. Như vậy, Theo Chứng thư thẩm định giá số 86/BDS, ngày 02/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì toàn bộ tài sản gồm quyền sử dụng đất, cây trình xây dựng và cây trồng có giá trị 1.930.597.000 đồng (một tỷ chín trăm ba mươi triệu năm trăm **chín mươi bảy ngàn** đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận nâng giá trị tài sản lên 2.400.000.000 đồng, mỗi bên được nhận giá trị tài sản tương ứng với giá trị 1.200.000.000 đồng. Tính án phí theo điểm d tiểu mục 1.3, mục 1, phần I của danh mục án phí như sau:

$$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% (400.000.000 \text{ đồng}) = 48.000.000 \text{ đồng}.$$

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá với tổng số tiền 11.978.000 đồng (mười một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng), nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 5.989.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng). Nguyên đơn bà Võ Thị A đã thực hiện xong, bị đơn Huỳnh Văn C phải nộp số tiền 5.989.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành dân sự thành phố V để hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị A.

[3.2] *Án phí dân sự phúc thẩm*

Mặc dù nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, thì nguyên đơn có yêu cầu kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, các đương sự kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Tuyên xử:

1. Ông Huỳnh Văn C được toàn quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tổng diện tích 802,2m² (loại đất ODT, BHK), tại các thửa số đất 2327, 2461, 175, 176, 177 thuộc tờ bản đồ số 01 và số 05 và căn nhà chính có diện tích xây dựng 141,6m²; kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch Ceramic, trần nhựa cùng với các công trình khác, hoa màu gắn liền với đất tại ấp M 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 185/2022, ngày 11/5/2022; Mảnh trích đo địa chính số 184/2022, ngày 11/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Hậu Giang).

Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ trả giá trị cho bà Võ Thị A số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị A phải chịu số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng), chuyển số tiền 6.477.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), bà Võ Thị A đã nộp tạm ứng ngày 23/02/2022 theo Biên lai thu số 0001123 thành án phí. Bà Võ Thị A còn phải tiếp tục nộp 41.523.000 đồng (bốn

mười một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Buộc ông Huỳnh Văn C phải chịu số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà Võ Thị A phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001556 ngày 09/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc nguyên đơn bà Võ Thị A và bị đơn ông Huỳnh Văn C mỗi người phải chịu 5.989.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng). Nguyên đơn bà Võ Thị A đã thực hiện xong, bị đơn Huỳnh Văn C phải nộp số tiền 5.989.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, để hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị A.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, các đương sự kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2022).

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng